

Số: /QĐ-SNN

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán trồng rừng và chăm sóc rừng trồng phòng hộ năm 1- năm 2023 của Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động

### GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2005;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định về các biện pháp lâm sinh; số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh; số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;*

*Căn cứ Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt phân bổ vốn trồng rừng thay thế đợt 01 năm 2023*

cho các tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

*Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 08/03/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc ủy quyền quyết định một số nội dung thuộc lĩnh vực lâm nghiệp;*

*Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-SXD ngày 26/12/2022 của Giám đốc Sở xây dựng tỉnh Bắc Giang về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;*

Xét đề nghị của Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động tại tờ trình 07/TTr-BQL ngày 18/5/2023; Báo cáo thẩm định số 77/BC-KL ngày 05/6/2023 của Chi cục Kiểm lâm.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán trồng, chăm sóc rừng trồng là rừng phòng hộ năm 1 - năm 2023 của Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động, với các nội dung chủ yếu như sau:

### **1. Tên công trình, chủ đầu tư**

1.1. Tên công trình: Thiết kế kỹ thuật, dự toán trồng rừng và chăm sóc rừng trồng phòng hộ năm 1- năm 2023 của Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động.

1.2. Chủ đầu tư: Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động.

**2. Dự án:** Thực hiện trồng, chăm sóc rừng phòng hộ năm 2023 bằng nguồn vốn trồng rừng thay thế từ quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh theo Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

### **3. Địa điểm**

Thực hiện trên địa bàn xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang với tổng diện tích 1,4 ha, cụ thể như sau: Tại tiểu khu 148, khoảnh 58, gồm 02 lô, tổng diện tích 1,0 ha; tiểu khu 146, khoảnh 60, gồm 01 lô, diện tích 0,4 ha.

### **4. Mục Tiêu**

Sử dụng có hiệu quả đất trồng đồi núi trọc, tiến hành trồng rừng, chăm sóc rừng đảm bảo cho cây trồng sinh trưởng phát triển tốt, góp phần nâng cao chất lượng, trữ lượng và tính đa dạng của rừng; cải thiện chức năng phòng hộ, tăng khả năng duy trì và điều tiết nguồn nước, điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái và điểm thăm quan du lịch sinh thái trên địa bàn. Đồng thời, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương; góp phần xóa đói giảm nghèo và đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại địa phương.

### **5. Nội dung và qui mô**

#### **5.1. Nội dung**

##### **5.1.1. Công tác chuẩn bị:**

a) Thu thập tài liệu có liên quan:

- Bản đồ địa hình hệ tọa độ gốc VN2000 với tỷ lệ 1/10.000;
- Bản đồ hiện trạng xã An Lạc, huyện Sơn Động;
- Định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện các biện pháp lâm sinh và định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ bản khác có liên quan của trung ương và địa phương;
- Tài liệu văn bản khác có liên quan đến công tác thiết kế;
- Chuẩn bị phương tiện, bố trí nhân lực thiết kế.

b) Dụng cụ kỹ thuật, văn phòng phẩm bao gồm: Máy định vị GPS, thiết bị đo vẽ, dao phát, phiếu điều tra thu thập số liệu...

c) Chuẩn bị lương thực, thực phẩm, phương tiện, tư trang...;

d) Lập kế hoạch thực hiện: về nhân sự, kinh phí, thời gian thực hiện.

### **5.1.2. Công tác ngoại nghiệp**

a) Sơ bộ khảo sát, xác định hiện trường khu thiết kế.

b) Đánh giá hiện trạng, xác định đối tượng cần thực hiện các biện pháp lâm sinh.

c) Xác định ranh giới tiểu khu, khoảnh (hoặc ranh giới khu thiết kế), lô trên thực địa.

d) Đo đạc các đường ranh giới tiểu khu, khoảnh, lô thiết kế; lập bản đồ thiết kế ngoại nghiệp và đóng cọc mốc trên các đường ranh giới.

đ) Cắm mốc: Tại điểm các đường ranh giới tiểu khu, đường khoảnh, đường lô giao nhau và trên đường ranh giới lô khi thay đổi góc phương vị phải cắm cọc mốc, trên mốc ghi số hiệu tiểu khu, khoảnh, lô và diện tích lô.

e) Khảo sát các yếu tố tự nhiên:

- Địa hình: Độ cao (tuyệt đối, tương đối), hướng dốc, độ dốc.
- Đất đai: đá mẹ; loại đất, đặc điểm của đất; độ dày tầng đất mặt; thành phần cơ giới: nhẹ, trung bình, nặng; tỷ lệ đá lẫn: %; độ nén chặt: toỉ xốp, chặt, cứng rắn; đá nôi: %; tình hình xói mòn mặt: yếu, trung bình, mạnh.
- Thực bì: loại thực bì; loài cây ưu thế; chiều cao trung bình (m); tình hình sinh trưởng (tốt, trung bình, xấu); độ che phủ; cấp thực bì.
- Cự ly vận chuyển cây con (m) và phương tiện vận chuyển.
- Cự ly đi làm (m) và phương tiện đi lại.
- Thu thập các tài liệu về dân sinh kinh tế xã hội khu vực thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh.

### **5.1.3. Công tác nội nghiệp**

- Xác định các biện pháp kỹ thuật lâm sinh cụ thể trong từng lô rừng;

- Dựa vào các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của Nhà nước, của địa phương xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và xây dựng dự toán chi phí đầu tư trồng, chăm sóc rừng trồng là rừng phòng hộ cho 01 ha và cho từng lô rừng cụ thể;

- Xây dựng báo cáo thuyết minh và hoàn thiện hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán trồng, chăm sóc rừng trồng phòng hộ năm 1 của năm 2023, bản đồ thiết kế để báo cáo chủ đầu tư và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## 5.2. Quy mô thực hiện

Tổng diện tích trồng, chăm sóc rừng trồng phòng hộ năm 1 của năm 2023 là 1,4 ha ở 02 khoảnh thuộc 03 lô trên địa bàn xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Đất thuộc quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động.

## 6. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

### 6.1. Giải pháp thiết kế trồng rừng

#### a) Xử lý thực bì:

Phát thực bì theo băng: Băng chặt rộng 2m, băng chừa rộng 1m. Thực bì được gom thành dải dọc theo đường đồng mức và không được đốt; được phát trắng thực bì ở những nơi có độ dốc dưới  $15^{\circ}$ , nhưng phải chừa lại đai cây xanh ở đỉnh dông, ven khe suối, bờ sông, hồ. Khi xử lý thực bì phải chừa lại toàn bộ cây tái sinh mục đích. Thời gian thực hiện trong tháng 5, 6 năm 2023.

#### b) Làm đất, bón phân

Làm đất thủ công, cuốc hố song song theo đường đồng mức, kích thước hố 40x40x40 cm. Ở nơi có độ dốc dưới  $15^{\circ}$  chỉ cuốc hố cục bộ so le hình nanh sấu theo đường đồng mức hoặc vuông góc với hướng gió chính. Cuốc hố phải hoàn thành trước khi trồng 30 ngày. Cuốc hố xong phải phơi hố từ 10 – 15 ngày; sau đó tiến hành bón lót và lấp hố. Việc lấp hố tiến hành trước khi trồng từ 10 – 15 ngày, kết hợp bón phân NPK (5:10:3), hoặc phân vi sinh khối lượng bón 0,3 kg/hố. Khi bón lót phân dùng cuốc cào đất lấp đầy 1/3 thể tích hố, sau đó đổ lượng phân theo quy định xuống hố, tiếp tục cho đất mặt xuống hố đến 2/3 thể tích rồi trộn đều với phân trong hố. Cuối cùng lấp đầy hố bằng đất tơi nhỏ không lẫn rễ cây, đá, vun thành hình mai rùa cao hơn mặt đất tự nhiên khoảng 5 cm.

#### c) Trồng rừng

- Loài cây trồng: Cây Thông mã vĩ (Thông đuôi ngựa).
- Phương thức trồng: Thuần loài
- Mật độ trồng: 1.330 cây/ha; Cự li trồng: Hàng cách hàng 3,0 m; cây cách Cây cách cây 2,5 m.
- Tiêu chuẩn cây con đem trồng: Cây Thông mã vĩ có tuổi từ 6 - 9 tháng, chiều cao từ 25 cm - 30 cm, đường kính cổ rễ từ 0,3 cm - 0,4 cm, quy cách bầu 8 cm x 12 cm, được đảo bầu  $\geq 3$  lần. Cây khỏe, cứng cáp, không cụt ngọn, lá

xanh, cây khỏe và không có dấu hiệu bị sâu bệnh hại.

- Thời vụ trồng: vụ xuân hè và vụ hè thu, trồng vào những ngày râm mát hoặc có mưa (khi đất trong hố đã đủ ẩm).

- Vận chuyển cây con và trồng cây:

+ Khi cây con đạt tiêu chuẩn xuất vườn, chọn ngày râm mát hoặc có mưa, đất đủ ẩm mới mang cây đi trồng, trồng tập trung gọn theo lô. Vận chuyển cây không được làm vỡ bầu, gãy ngọn. Trước khi trồng phải xé bỏ túi bầu, tránh không để dập ngọn hoặc vỡ bầu. Thu dọn toàn bộ túi bầu mang về nơi tiêu hủy.

+ Kỹ thuật trồng: Đào đất ở giữa hố đã lấp đủ để khi đặt cây con vào cổ rễ cách mặt đất 1 – 2 cm, đặt cây con cho thẳng đứng vào giữa hố rồi lấy đất tơi xốp ở tầng mặt lấp đầy hố, lèn chặt, vun cao hơn mặt đất 2 – 3 cm. Cây đã đem đến hiện trường trồng rừng phải trồng hết trong ngày.

- Trồng dặm: Sau khi trồng 1 tháng, kiểm tra tỷ lệ cây sống nếu tỷ lệ cây sống dưới 85% so với mật độ trồng ban đầu thì phải trồng dặm.

## 6.2. Giải pháp thiết kế kỹ thuật chăm sóc

**Năm thứ nhất:** Chăm sóc 02 lần

- Lần 1: Thực hiện sau khi trồng từ 1-2 tháng; Phát theo băng cây bụi, dây leo, cỏ dại, xới đất và vun gốc cho cây; bảo vệ cây tái sinh mục đích; dùng cuốc dây sạch cỏ xung quanh gốc kết hợp vun gốc đường kính rộng từ 0,6m - 0,8 m.

- Lần 2: Từ tháng 10 - 11 năm trồng rừng; Phát theo băng cây bụi, dây leo, cỏ dại, xới đất và vun gốc cho cây; bảo vệ cây tái sinh mục đích; dùng cuốc dây sạch cỏ xung quanh gốc kết hợp vun gốc đường kính rộng từ 0,6 m - 0,8m

**7. Dự toán:** Tổng dự toán trồng, chăm sóc rừng trồng là rừng phòng hộ năm 1 của năm 2023 là: **64.357.000 đồng**

(Bằng chữ: Sáu tư triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng chẵn)

Trong đó:

a) Tổng chi phí đầu tư xây dựng: 62.409.000 đồng

+ Chi phí nhân công: 28.773.000 đồng

+ Chi phí cây giống: 26.422.000 đồng

+ Chi phí phân bón: 4.301.000 đồng

+ Chi phí khảo sát, thiết kế, lập hồ sơ dự toán: 2.913.000 đồng.

b) Chi phí quản lý (3%): 1.872.000 đồng.

c) Chi phí thẩm định TKKT (0,121%): 76.000 đồng.

**7. Nguồn vốn:** Nguồn vốn trồng rừng thay thế được phân bổ theo Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

**8. Thời gian thực hiện:** Thời gian thực hiện năm 2023

**9. Các nội dung khác:** Theo hồ sơ thiết kế kèm theo Tờ trình số 07/TTr-BQL ngày 18/5/2023 của BQL rừng phòng hộ Sơn Động và báo cáo thẩm định số 77/BC-KL ngày 05/6/2023 của Chi cục Kiểm lâm.

**Điều 2.** Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị: Phòng KHTC, Chi cục Kiểm lâm, Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- GD, PGD Sở (ô. Quý);
- Chi cục Kiểm lâm;
- UBND huyện Sơn Động;
- BQL rừng PH Sơn Động (07);
- Lưu: VT, KL, QBPTR.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hà Minh Quý**